

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **83** /UBND

Bình Chánh, ngày **10** tháng 01 năm 2020

V/v tổ chức lực lượng bảo vệ
tại các cơ quan, doanh nghiệp
nhà nước.

KHẨN

Kính gửi:

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Huyện;
- Công an Huyện;
- Các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn huyện;
- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

Theo Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 46/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật, trong đó có tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2017 và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 827/UBND-NCPC ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Công văn số 4940/UBND-NCPC ngày 28 tháng 11 năm 2019, theo đề nghị của Công an Huyện tại Công văn số 3075/CABC-AN ngày 29 tháng 12 năm 2019, Ủy ban nhân dân Huyện hướng dẫn, chỉ đạo như sau:

I. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG BẢO VỆ

1. Tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước

a) Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị nằm trong hệ thống tổ chức của các cơ quan, doanh nghiệp; tùy

theo yêu cầu, quy mô, tính chất của cơ quan, doanh nghiệp mà thành lập phòng, ban, đội, tổ bảo vệ.

b) Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quyết định thành lập hoặc không thành lập, với hình thức phù hợp yêu cầu, quy mô, tính chất của cơ quan, doanh nghiệp.

2. Về việc ký hợp đồng đối với lực lượng bảo vệ

a) Việc ký hợp đồng lao động thực hiện theo quy định tại Chương III Bộ Luật Lao động về hợp đồng lao động; quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; Chương III Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP.

b) Người đứng đầu các tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước **không được thuê** dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài (*trừ một số lĩnh vực theo quy định của Bộ Công an*). Trong trường hợp cần huy động lực lượng, phương tiện bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn hội nghị, hội thảo hoặc trường hợp cần thiết khác, được thuê dịch vụ bảo vệ của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ theo công việc hoặc thời vụ.

c) Một số tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước được thuê dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài:

- Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác theo quy định của Luật Giáo dục; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (*trừ các trung tâm chữa bệnh - giáo dục – lao động xã hội thuộc quản lý của ngành lao động – Thương binh và Xã hội và các trường học, trung tâm giáo dục thuộc Công an, Quân đội*).

- Nơi sử dụng để sản xuất cung ứng dịch vụ, kho hàng, bến, bãi; các cơ sở, trung tâm văn hóa, thể thao, giải trí (*trừ các công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định tại Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và danh mục các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học – kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ và thông tư số 20/2010/TT-BCA ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP*).

3. Chế độ chính sách đối với lực lượng bảo vệ

a) Chế độ tiền lương:

- Đối với người lao động làm công tác bảo vệ tại các doanh nghiệp Nhà nước thì được hưởng mức lương theo thang lương, bảng lương của doanh nghiệp Nhà nước. Thang lương, bảng lương của doanh nghiệp Nhà nước được xây dựng dựa trên mức lương tối thiểu vùng và đảm bảo các nguyên tắc xây dựng thang lương, bảng lương do Chính phủ quy định.

- Đối với người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập (*không thuộc khu vực doanh nghiệp để áp dụng mức lương tối thiểu vùng*) mà thực hiện theo cơ chế tiền lương được quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 03/2019/TT-BNV, cụ thể: “*mức lương trong hợp đồng lao động mới không thấp hơn mức lương hiện hưởng*”.

b) Các chế độ chính sách khác: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.

4. Kinh phí thực hiện

a) Đối với cơ quan hành chính thì kinh phí thực hiện hợp đồng làm công tác bảo vệ do ngân sách Nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngoài quỹ tiền lương hàng năm của cơ quan theo quy định của Pháp luật,

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì kinh phí thực hiện hợp đồng làm công tác bảo vệ được lấy từ nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Pháp luật.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước (đơn vị sử dụng lao động): Khẩn trương rà soát, xây dựng kế hoạch kiện toàn tổ chức bảo vệ tại đơn vị mình; tổ chức quán triệt, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, các chỉ đạo về phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật, trong đó có tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ; báo cáo kết quả kiện toàn tổ chức bảo vệ cho Công an huyện Bình Chánh (*Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 138 Huyện*) thông qua Đội An ninh **trước ngày 20 tháng 03 năm 2020** để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện (*Trưởng Ban Chỉ đạo 138 Huyện*).

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Triển khai quán triệt nội dung Công văn này đến các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo trên địa bàn; tổng hợp và báo cáo kết quả kiện toàn tổ chức bảo vệ cho Công an huyện Bình Chánh đảm bảo thời gian quy định.

3. Phòng Nội vụ chủ trì và phối hợp Phòng Tài chính – Kế hoạch, Công an Huyện: rà soát các tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước **được và không được** thuê dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài để tổng hợp, hướng dẫn những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện tại **Mục I** Công văn này.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Có văn bản hướng dẫn cụ thể về chế độ tiền lương và kinh phí thực hiện đối với các đơn vị được phép thuê dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài năm và thực hiện.

5. Công an huyện Bình Chánh

- Xây dựng kế hoạch, phối hợp các Phòng nghiệp vụ Công an Thành phố có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn huyện Bình Chánh trong năm 2020 sau khi có kết quả rà soát kiện toàn lực lượng bảo vệ từ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Công an huyện Bình Chánh tổ chức kiểm tra và tổng hợp tình hình kiện toàn tổ chức bảo vệ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn phụ trách và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện thông qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện **trước ngày 21 tháng 4 năm 2020** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Công an Thành phố - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 138 Thành phố) trước ngày **30 tháng 4 năm 2020**.

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan có liên quan thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về chống người thi hành công vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Huyện tại Công văn số 720/UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 và các văn bản có liên quan./.

(Đính kèm Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và Thông tư số 46/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP).

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Bí thư Huyện ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBMTTQVN và các đoàn thể Huyện;
- Các cơ quan Khối nội chính Huyện;
- VPUB: CVP, PVP;
- Bí thư, Chủ tịch các xã, thị trấn;
- Lưu: VT-TH (TrH).



CHỦ TỊCH

Trần Phú Lữ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật an ninh quốc gia ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với lực lượng bảo vệ tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, doanh nghiệp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam; doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Các cơ quan, doanh nghiệp do Công an nhân dân và Quân đội nhân dân quản lý không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Tổ chức bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp do người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quyết định thành lập; chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp và hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ bảo vệ của cơ quan Công an.

2. Tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng danh nghĩa bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Nghiệp vụ bảo vệ

1. Nghiệp vụ bảo vệ là tổng hợp các biện pháp chuyên môn trang bị cho lực lượng bảo vệ nhằm bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn cơ quan, doanh nghiệp. Biện pháp nghiệp vụ bảo vệ bao gồm:

- a) Biện pháp hành chính;
- b) Biện pháp quân chủng;
- c) Biện pháp tuần tra, canh gác.

2. Bộ Công an quy định cụ thể các biện pháp nghiệp vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ

Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ do Công an cấp tỉnh hoặc cấp tương đương tổ chức và cấp giấy chứng nhận.

Điều 6. Tiêu chuẩn nhân viên bảo vệ

Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên; có lý lịch rõ ràng; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên (đối với miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ. Ưu tiên tuyển dụng lực lượng bảo vệ là những người đã có thời gian công tác trong lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân.

Điều 7. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp và cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị:

- a) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản của cơ quan, doanh nghiệp; chỉ đạo xây dựng, tổ chức, kiểm tra thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; chỉ đạo lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp thường xuyên phối hợp với lực lượng Công an, chính quyền địa phương trong việc triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ; xây dựng lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh;

b) Căn cứ yêu cầu, tính chất, quy mô của cơ quan, doanh nghiệp để quyết định hình thức tổ chức lực lượng bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp mình cho phù hợp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nơi làm việc, trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ phục vụ cho hoạt động của lực lượng bảo vệ;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an có thẩm quyền tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ; tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Công an về công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp.

2. Người đứng đầu các tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước không được thuê dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài (trừ một số lĩnh vực theo quy định của Bộ Công an). Trong trường hợp cần huy động lực lượng, phương tiện bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn hội nghị, hội thảo hoặc trường hợp cần thiết khác, được thuê dịch vụ bảo vệ của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ theo công việc hoặc thời vụ.

3. Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp khác thực hiện trách nhiệm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này và Khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

4. Cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia xây dựng, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng bảo vệ thực hiện nhiệm vụ.

Điều 8. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Quy định việc phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp trong công tác quản lý và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp.

2. Quy định nội dung huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, mẫu giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ, mẫu trang phục, phù hiệu, biển hiệu cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG BẢO VỆ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

Điều 9. Chức năng của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Tham mưu giúp cấp uỷ, lãnh đạo cơ quan, doanh nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy, kế hoạch công tác bảo vệ; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ quan, doanh nghiệp; triển khai các yêu cầu công tác bảo vệ theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan Công an có thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ, biện pháp công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 10. Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị có nhiệm vụ:

a) Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của lực lượng Công an để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; kịp thời đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp biện pháp xử lý;

b) Trực tiếp kiểm soát người ra vào cơ quan, doanh nghiệp. Khi xảy ra các vụ việc có liên quan đến an ninh, trật tự và an toàn cơ quan, doanh nghiệp phải tổ chức bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, cấp cứu nạn nhân, bắt người phạm tội quả tang và báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất;

c) Thực hiện các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự công cộng;

d) Làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp; xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn;

đ) Phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng trong công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ quan, doanh nghiệp; đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp xây dựng nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, kế hoạch, biện pháp phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong cơ quan, doanh nghiệp;

e) Thực hiện các quy định về quản lý vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại (nếu có); giúp người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp trong việc phối hợp với cơ quan Công an để quản lý, giáo dục người có tiền án, tiền sự, người chấp hành xong các biện pháp xử lý vi phạm hành chính khác đang làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp;

g) Phối hợp với các tổ chức quần chúng trong cơ quan, doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho mọi người; hướng dẫn các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn trong cơ quan, doanh nghiệp;

h) Thực hiện những nhiệm vụ cụ thể khác để bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp do người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao theo đúng quy định của pháp luật.

2. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp khác thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, g, h Khoản 1 Điều này.

Điều 11. Quyền hạn của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị có quyền hạn sau:

a) Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận, đơn vị và cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự và nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;

b) Trong khi làm nhiệm vụ, được kiểm tra giấy tờ, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, doanh nghiệp nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;

c) Tiến hành công tác xác minh những vụ, việc xảy ra ở cơ quan, doanh nghiệp theo thẩm quyền mà người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao hoặc theo yêu cầu của cơ quan Công an có thẩm quyền;

d) Từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ bảo vệ và phải báo cáo cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp khác thực hiện quyền hạn quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị nằm trong hệ thống tổ chức của các cơ quan, doanh nghiệp; tùy theo yêu cầu, quy mô, tính chất của cơ quan, doanh nghiệp mà thành lập phòng, ban, đội, tổ bảo vệ.

2. Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quyết định thành lập hoặc không thành lập, với hình thức phù hợp yêu cầu, quy mô, tính chất của cơ quan, doanh nghiệp.

Chương III

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với nhân viên bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị

1. Nhân viên bảo vệ khi hết thời hạn thử việc, được đánh giá đạt yêu cầu thì được xem xét tuyển dụng, được hưởng lương và các quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thương, bị hy sinh thì được xem xét và có thể được công nhận hưởng chế độ như thương binh, liệt sĩ và các hình thức khen thưởng khác theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 14. Chế độ, chính sách của nhân viên bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp khác

Chế độ, chính sách của nhân viên bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quyết định thông qua hợp đồng lao động trên cơ sở quy định của pháp luật.

Điều 15. Trang bị phương tiện đối với bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được cấp trang phục, trang bị và sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận, trang bị biển hiệu, băng chức danh và các phương tiện cần thiết khác theo quy định để phục vụ công tác bảo vệ.

3. Bộ Công an quy định và hướng dẫn cụ thể về trang bị phương tiện và quản lý, sử dụng trang bị phương tiện đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp theo quy định của Điều này.

Điều 16. Kinh phí hoạt động của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Kinh phí hoạt động của lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, tổ chức được bảo đảm chung trong kinh phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức đó.

2. Kinh phí hoạt động của lực lượng bảo vệ tại các doanh nghiệp được tính trong chi phí quản lý của các doanh nghiệp.

3. Tài trợ, ủng hộ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013 và thay thế Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

2. Đối với các cơ quan, doanh nghiệp thuộc diện không được thuê dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài theo quy định của Nghị định này, nhưng thực tế đã và đang có hợp đồng thuê dịch vụ bảo vệ thì khi hết thời hạn hợp đồng đã ký, phải thực hiện đúng theo các quy định của Nghị định này.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trại lý TTCTP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (3b). KH 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng

Số: 46/2014/TT-BCA

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP
ngày 09/01/2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp**

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2014/NĐ-CP ngày 25/3/2014);

Căn cứ Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp (sau đây viết gọn là Nghị định số 06/2013/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP gồm: Nội dung các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ; tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được thuê dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài; công tác phối hợp giữa cơ quan Công an với các cơ quan, doanh nghiệp trong quản lý và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ; huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ; giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ; trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ và các loại phương tiện đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam; doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.
3. Công an các đơn vị, địa phương.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 3. Nội dung các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ

1. Nội dung của biện pháp hành chính

a) Tham mưu, đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy định liên quan đến công tác bảo vệ an ninh, trật tự và an toàn tại cơ quan, doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện các quy định của nhà nước, các quy định của cơ quan, doanh nghiệp về công tác bảo vệ an ninh, trật tự và an toàn tại cơ quan, doanh nghiệp.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về cư trú, vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; công tác phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác về bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn tại cơ quan, doanh nghiệp.

d) Khi được sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp, được phép khai thác tài liệu hành chính của cơ quan, doanh nghiệp phục vụ công tác bảo vệ an ninh, trật tự và an toàn tại cơ quan, doanh nghiệp.

2. Nội dung của biện pháp quần chúng

a) Phối hợp với các tổ chức quần chúng trong cơ quan, doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn nhằm nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác, trách nhiệm và năng lực bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cho cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp.

b) Tham mưu, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp và hướng dẫn cán bộ, công nhân viên tích cực tham gia; xây dựng cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh, trật tự.

c) Nắm tình hình liên quan đến an ninh, trật tự và an toàn trong cơ quan, doanh nghiệp thông qua gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với cán bộ, công nhân viên, qua hình thức hòm thư tố giác tội phạm, số điện thoại đường dây nóng và vận động cán bộ, công nhân viên tự giác cung cấp thông tin; tranh thủ sự ủng hộ và vận động cán bộ, công nhân viên phối hợp giải quyết các vụ, việc phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xảy ra trong cơ quan, doanh nghiệp.

3. Nội dung của biện pháp tuần tra, canh gác

a) Tuần tra là hoạt động công khai của lực lượng bảo vệ được thực hiện trong một phạm vi theo hành lang bảo vệ đã được xác định trong phương án bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, bao gồm các nội dung sau:

- Phát hiện đối tượng đột nhập từ bên ngoài vào phạm vi bên trong cơ quan, doanh nghiệp hoặc từ bên trong cơ quan, doanh nghiệp vượt ra ngoài để làm rõ mục đích, động cơ của đối tượng.

- Phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy của cơ quan, doanh nghiệp xảy ra trong phạm vi cơ quan, doanh nghiệp quản lý.

b) Canh gác là hoạt động công khai của lực lượng bảo vệ được thực hiện tại một vị trí hoặc mục tiêu cụ thể thuộc phạm vi cơ quan, doanh nghiệp quản lý, bao gồm những nội dung sau:

- Kiểm soát người ra, vào vị trí hoặc mục tiêu.

- Kiểm soát phương tiện di chuyển, đồ vật, hàng hóa được vận chuyển ra, vào vị trí hoặc mục tiêu. Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy của cơ quan, doanh nghiệp thì được yêu cầu kiểm tra để làm rõ. Nếu phát hiện người phạm tội quả tang thì được quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện Kiểm sát nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

- Phát hiện, ngăn chặn các đối tượng có hành vi gây rối an ninh, trật tự tại vị trí hoặc mục tiêu canh gác.

Điều 4. Tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được thuê dịch vụ bảo vệ thường xuyên, lâu dài

1. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác theo quy định của Luật Giáo dục; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh (trừ các trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và các trường học, trung tâm giáo dục của ngành Công an, Quân đội).

2. Nơi sử dụng để sản xuất, cung ứng dịch vụ, kho tàng, bến, bãi; các cơ sở, trung tâm văn hóa, thể thao, giải trí (trừ các công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định tại Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và danh mục các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ ban

hành kèm theo Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 và Thông tư số 20/2010/TT-BCA ngày 23/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009).

Điều 5. Công tác phối hợp giữa cơ quan Công an với các cơ quan, doanh nghiệp trong quản lý và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ

Các đơn vị Công an có chức năng bảo vệ an ninh nội bộ (An ninh chính trị nội bộ, An ninh tài chính, tiền tệ, đầu tư, An ninh kinh tế tổng hợp, An ninh nông nghiệp nông thôn, An ninh thông tin truyền thông, Bảo vệ chính trị III) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan và người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp tổ chức quản lý và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ, cụ thể:

1. Hướng dẫn cơ quan, doanh nghiệp xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, phương án, nội quy, quy chế bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn công tác bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp trong các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị lớn hoặc theo đề nghị của cơ quan, doanh nghiệp.

3. Hướng dẫn công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc liên quan đến an ninh, trật tự xảy ra tại cơ quan, doanh nghiệp.

4. Phối hợp kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên bảo vệ; việc quản lý, sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ và các loại phương tiện trang bị cho lực lượng bảo vệ.

5. Hướng dẫn tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp và xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; đề xuất hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 6. Công tác huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ

1. Hàng năm, các cơ quan, doanh nghiệp nếu có nhu cầu đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ cho nhân viên bảo vệ, chủ động xây dựng kế hoạch và thông báo cho đơn vị Công an có chức năng bảo vệ an ninh nội bộ quy định tại Điều 5 Thông tư này để biết và phối hợp thực hiện. Ngoài việc huấn luyện cho số nhân viên bảo vệ chưa qua đào tạo, các đơn vị Công an có chức năng bảo vệ an ninh nội bộ căn cứ vào tình hình thực tế để chủ động phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức lớp học để bổ sung và cập nhật kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ.

2. Nội dung huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ

- a) Kiến thức cơ bản về pháp luật; đạo đức, tác phong nghề nghiệp.
- b) Các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ.
- c) Hướng dẫn, huấn luyện cách sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại và các loại phương tiện chuyên dùng được trang bị cho lực lượng bảo vệ.
- d) Kiến thức cơ bản về phòng cháy, chữa cháy và cấp cứu người bị nạn.
- đ) Các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tế trong hoạt động bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp.

3. Tổng cục An ninh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan biên soạn nội dung, chương trình huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ.

4. Phân cấp huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp thuộc các Bộ, ngành ở Trung ương do các Cục: An ninh chính trị nội bộ, An ninh tài chính, tiền tệ, đầu tư, An ninh kinh tế tổng hợp, An ninh nông nghiệp nông thôn, An ninh thông tin truyền thông, Bảo vệ chính trị III của Bộ Công an tổ chức huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận.

b) Lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp ở địa phương do các Phòng: An ninh chính trị nội bộ, An ninh kinh tế, An ninh tài chính, tiền tệ, đầu tư thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan, doanh nghiệp đặt trụ sở tổ chức huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận.

5. Trách nhiệm phối hợp tổ chức huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ

a) Các đơn vị có liên quan của Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục An ninh để xây dựng nội dung, chương trình huấn luyện và bố trí giáo viên giảng dạy tại các lớp huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

b) Cơ quan, doanh nghiệp cử nhân viên tham gia huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ phải chịu trách nhiệm về kinh phí huấn luyện, bố trí địa điểm, tổ chức và quản lý lớp học.

6. Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ

a) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ được cấp cho nhân viên bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp khi đã tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và đạt kết quả kiểm tra theo quy định.

b) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ có giá trị sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn này, nhân viên bảo vệ phải được huấn luyện để cấp lại Giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận cũ được thu hồi, tiêu hủy.

c) Trường hợp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ bị rách, cũ nát hoặc mất, người đã được cấp Giấy chứng nhận phải báo cáo cơ quan, doanh nghiệp trực tiếp quản lý đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều này làm thủ tục đổi hoặc cấp lại.

Thời hạn cấp, đổi, cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ là 05 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra xong hoặc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

d) Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ được làm bằng chất liệu giấy trắng khổ 21cm x 15cm, nền màu vàng nhạt, đường viền và chữ "GIẤY CHỨNG NHẬN" màu đỏ, các chữ còn lại màu đen. Phía trên là dòng chữ "**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**" có cỡ chữ 11, kiểu chữ Times New Roman, in hoa, in đậm và "**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**" có cỡ chữ 12, kiểu chữ Times New Roman, in đậm. Tên "**GIẤY CHỨNG NHẬN**" có cỡ chữ 12, kiểu chữ Times New Roman, in hoa, in đậm. Các chữ còn lại in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ Times New Roman; cụ thể theo mẫu sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>	
GIẤY CHỨNG NHẬN	
Ảnh 3x4	Họ và tên: Năm sinh: Quê quán: Đã học nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức tại Từ ngày đến ngày Đạt loại:, ngày tháng năm (Người cấp giấy ký tên, đóng dấu)
Số:	

Điều 7. Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ

1. Nhân viên bảo vệ được sử dụng Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ do cơ quan, doanh nghiệp trực tiếp quản lý cấp và phải mang theo khi thi hành nhiệm vụ.

Cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm quy định việc cấp, đổi, cấp lại, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ.

2. Người được cấp Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và không được cho người khác mượn; nếu bị mất hoặc hư hỏng phải báo cáo ngay với người phụ trách bảo vệ trực tiếp để báo cáo người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời. Khi không làm nhân viên bảo vệ phải trả lại Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ cho cơ quan, doanh nghiệp đã cấp.

3. Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ được làm bằng chất liệu giấy trắng khổ 9cm x 6cm, cụ thể:

a) Mặt trước có nền màu nâu, xung quanh có khung màu vàng, nét khung có kích thước 0,1cm và cách mép ngoài của giấy 0,5cm, chữ màu vàng nhạt. Phía trên là dòng chữ **“CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”** có cỡ chữ 11, kiểu chữ Times New Roman, in hoa, in đậm và **“Độc lập – Tự do – Hạnh phúc”** có cỡ chữ 12, kiểu chữ Times New Roman, in đậm. Tên **“GIẤY CHỨNG NHẬN NHÂN VIÊN BẢO VỆ”** có cỡ chữ 12, kiểu chữ Times New Roman, in hoa, in đậm đặt ở chính giữa, nét đậm 0,2cm, chiều cao 0,5cm được chia ra làm 02 dòng, dòng trên là **“GIẤY CHỨNG NHẬN”**, dòng dưới là **“NHÂN VIÊN BẢO VỆ”**.

b) Mặt sau có nền màu vàng nhạt; trên cùng là tên của cơ quan, doanh nghiệp cấp Giấy chứng nhận (1) có cỡ chữ 12, kiểu chữ Times New Roman, in hoa, in đậm. Dòng chữ **“CHỨNG NHẬN”** có cỡ chữ 11, kiểu chữ Times New Roman, in hoa, in đậm; các chữ còn lại có màu đen, in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ Times New Roman; cụ thể theo mẫu sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> GIẤY CHỨNG NHẬN NHÂN VIÊN BẢO VỆ
--

Mặt trước

...(1)... CHỨNG NHẬN	
Ảnh 2x3	Họ và tên:
	Năm sinh:
	Chức danh:
	Ngày ... tháng ... năm...
Số:	(Người đứng đầu CQDN) (Ký tên, đóng dấu)

Mặt sau

Điều 8. Trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ và các loại phương tiện đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp

1. Căn cứ vào yêu cầu và tình hình thực tế hoạt động, lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được xem xét, trang bị công cụ hỗ trợ, bao gồm: Dùi cui điện, dùi cui kim loại, dùi cui cao su, găng tay bắt dao.

Cơ quan, doanh nghiệp căn cứ vào số lượng nhân viên bảo vệ và yêu cầu thực tế để lập hồ sơ đề nghị cơ quan Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép. Cơ quan Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có thẩm quyền sau khi nhận được hồ sơ, tiến hành thẩm tra để cấp giấy phép mua, giấy phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu trang bị vũ khí thô sơ, phương tiện xịt hơi cay, động vật nghiệp vụ thì thực hiện theo quy định sau:

a) Cơ quan, doanh nghiệp ở địa phương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép mua vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an cấp tỉnh; cơ quan, doanh nghiệp thuộc Bộ, ngành ở Trung ương nộp hồ sơ về Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Trong hồ sơ phải gửi kèm phương án bảo vệ đối với mục tiêu thuộc cơ quan, doanh nghiệp quản lý và sự cần thiết phải trang bị vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ nêu trên.

b) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm tập hợp hồ sơ đề nghị của cơ quan, doanh nghiệp trong cả nước có nhu cầu trang bị và phối hợp với các đơn vị có chức năng bảo vệ an ninh nội bộ quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư này để báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định.

3. Quản lý, sử dụng vũ khí thô sơ

Việc quản lý, sử dụng vũ khí thô sơ phải tuân theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 5/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sau đây viết gọn là Nghị định số 25/2012/NĐ-CP) và Điều 12 Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh (sau đây viết gọn là Thông tư số 30/2012/TT-BCA).

4. Quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ

a) Công cụ hỗ trợ khi chưa đưa vào sử dụng phải được bảo quản trong kho hoặc nơi cất giữ. Khi đưa vào kho hoặc nơi cất giữ phải sắp xếp hợp lý, để riêng từng chủng loại, nhãn hiệu. Các cơ quan, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng công cụ hỗ trợ được trang bị theo đúng định kỳ và quy trình bảo dưỡng của nhà sản xuất.

Cơ quan, doanh nghiệp khi được phép trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ phải lập hồ sơ, sổ sách theo dõi. Công cụ hỗ trợ khi mang ra sử dụng phải được người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp đồng ý và ghi vào hồ sơ của cơ quan, doanh nghiệp.

b) Người được cơ quan, doanh nghiệp giao công cụ hỗ trợ phải được tập huấn về tính năng, tác dụng, kỹ năng sử dụng. Khi hoàn thành nhiệm vụ, người được giao công cụ hỗ trợ phải bàn giao lại cho người có trách nhiệm bảo quản công cụ hỗ trợ. Trường hợp bị mất công cụ hỗ trợ hoặc Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ thì phải báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp trực tiếp quản lý biết. Cơ quan, doanh nghiệp bị mất Giấy phép, công cụ hỗ trợ phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan Công an đã cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ biết để phối hợp giải quyết.

c) Khi sử dụng công cụ hỗ trợ, người được cơ quan, doanh nghiệp giao công cụ hỗ trợ phải tuân thủ theo quy định tại Điều 33 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 25/2012/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 30/2012/TT-BCA.

5. Các loại phương tiện khác

Tuỳ theo yêu cầu thực tế công tác bảo vệ an ninh, trật tự, người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quyết định việc trang bị và sử dụng các loại phương tiện khác, như phương tiện quan sát, máy kiểm soát người ra, vào tại cổng trụ sở cơ quan, doanh nghiệp, máy soi, máy bộ đàm, ... và phải tuân theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2014 và thay thế Thông tư số 10/2002/TT-BCA ngày 26/8/2002 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Định kỳ vào cuối quý II và quý IV hàng năm, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo Bộ Công an (qua Tổng cục An ninh) về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 06/2013/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục An ninh) để kịp thời hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo nội bộ;
- Lưu: VT, TCAN II, V19.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Trần Đại Quang